

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 16/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 11-3-2024

“V/v: Ly hôn, tranh chấp
nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU – TỈNH ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Phát

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Minh Châu

Ông Nguyễn Ngọc Anh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Đức Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Cao Kỳ Dương – Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 408/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thủy T, sinh năm 1986

Nơi đăng ký thường trú và trú tại: khu C, ấp T, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Ông Trương Hữu D, sinh năm 1987

Nơi đăng ký thường trú: Thôn C, xã S, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.

Trú tại: khu C, ấp T, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

(các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Thủy T trình bày:

Bà và ông Trương Hữu D tự nguyện yêu thương, kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện V cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2019. Quá trình chung sống bà và ông D ban đầu hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên đến

giữa năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, ông D dùng những lời nói không chuẩn mực đối với bà và gia đình của bà. Sau khi sinh con thì ông D không phụ giúp gì về kinh tế nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống gia đình luôn căng thẳng, dù sống chung nhà nhưng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nữa. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trương Hữu D.

Về con chung: Bà và ông D có 01 con chung là cháu Trương Lê Bình M, sinh ngày 03/9/2019. Ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Bà không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Nợ chung: Bà và ông D không có nợ chung.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Trương Hữu D trình bày:

Ông thống nhất với trình bày của bà T về việc kết hôn. Cuộc sống vợ chồng giữa ông và bà T có phát sinh mâu thuẫn nhưng nguyên nhân mâu thuẫn bà T trình bày không đúng. Ông vẫn đối xử tốt với bà T và gia đình bà T. Hiện nay ông làm công việc tự do nên thu nhập chưa ổn định nên ông chưa phụ giúp được cho bà T về kinh tế gia đình. Tuy nhiên ông vẫn phụ giúp những việc trong gia đình và chăm sóc con. Ngày 04/01/2024 ông và bà T có ký biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, sau đó ông suy nghĩ lại muốn hàn gắn tình cảm với bà T nên đề nghị thay đổi nội dung biên bản hòa giải thành, không đồng ý ly hôn. Tại phiên tòa bà T trình bày kiên quyết ly hôn với ông, ông dù không muốn ly hôn nhưng bà T quyết định không hàn gắn tình cảm thì ông đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông và bà T có 01 con chung là cháu Trương Lê Bình M, sinh ngày 03/9/2019. Vì cháu M còn nhỏ nên ông đồng ý giao con chung cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nên ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Ông và bà T không có nợ chung.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách đương sự và việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận các văn bản tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định. Quyền lợi và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự được bảo đảm.

Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện V nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Bà T trình bày

vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2019 do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Từ khi mang thai đến khi sinh con ông D không quan tâm, dù có ngồi lại nói chuyện với nhau để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Tại phiên tòa bà T kiên quyết ly hôn với ông D, không đồng ý hòa giải đoàn tụ. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, bà T được ly hôn với ông D.

Về con chung: Giao cháu Trương Lê Bình M, sinh ngày 03/9/2019 cho bà T nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu nên ông D không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông D và bà T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết

Về nợ chung: Ông D và bà T trình bày không có nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bà Lê Thị Thủy T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Trương Hữu D hiện đang cư trú tại ấp T, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thủy T và ông Trương Hữu D tự nguyện yêu thương và kết hôn với nhau, được Ủy ban nhân dân xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/4/2019 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Bà T trình bày cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, ông D dùng những lời nói không chuẩn mực đối với bà và gia đình của bà, có vài lần đánh bà. Ông D cũng xác định ông và bà T có phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ, chưa trầm trọng đến mức phải ly hôn. Ông D vẫn còn thương vợ, con và muốn hàn gắn tình cảm với bà T.

Tại phiên tòa bà T vẫn kiên quyết ly hôn với ông D. Ông D muốn hàn gắn tình cảm nhưng không có biện pháp gì để hòa giải với bà T nên đồng ý ly hôn với bà T. Do đó đủ cơ sở khẳng định hôn nhân giữa bà T và ông D đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, bà T được ly hôn với ông D.

[2.2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà T và ông D có 01 con chung là cháu Trương Lê Bình M, sinh ngày 03/9/2019. Ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tại phiên tòa ông D thống nhất giao con chung cho bà T nuôi dưỡng. Do đó Hội đồng xét xử giao cháu M cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu nên ông D tạm thời không cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết tài sản chung; nợ chung đương sự trình bày không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai phù hợp với những nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 220, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thủy T.

Bà Lê Thị Thủy T được ly hôn với ông Trương Hữu D.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Lê Bình M, sinh ngày 03/9/2019 cho bà Lê Thị Thủy T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Tạm thời ông Trương Hữu D không cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của ông Trương Hữu D.

Vì quyền lợi của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Bà Lê Thị Thủy T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005064 ngày 13/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

4. Bà Lê Thị Thủy T và ông Trương Hữu D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.Vĩnh Cửu;
- CC.THADS H.Vĩnh Cửu;
- UBND xã Bình Hòa, huyện Vĩnh Cửu,
tỉnh Đồng Nai (GCNKH số 13 ngày 24/4/2019)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Tấn Phát